ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÙI VĂN BA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 346 /KH-THBVB

Nhà Bè, ngày 07 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH
Ôn tập Kiểm tra định kỳ cuối HK I
Năm học 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Văn bản số 1715/GDĐT ngày 01 tháng 12 năm 2022 về hướng dẫn kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học cuối học kì I năm học 2022-2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè;

Trường Bùi Văn Ba xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá định kì cuối học kì I năm học 2022 - 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Kiểm tra định kỳ cuối học kì I là việc làm bình thường nhằm nắm bắt tình hình học sinh. Giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra.

Trong khi kiểm tra, Giáo viên chủ nhiệm coi thi tại lớp mình phụ trách, tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng. Khi chấm kiểm tra, GVCN ghi nhận những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh.

2. Yêu cầu

Tổ chức kiểm tra định kỳ cuối học kì I nghiêm túc, khách quan. Nội dung kiểm tra đảm bảo các nguyên tắc:

a) Đề kiểm tra do Hiệu trưởng chỉ đạo chuyên môn thực hiện (phân công soạn và duyệt đề) với các yêu cầu sau:

Đối với lớp 1, 2, 3:

Nhà trường thực hiện theo Hướng dẫn số 3863/GDĐT-TH ngày 18/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1075/GDĐT-TH ngày 26/11/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Huyện hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo TT 27.

Đối với lớp 4, 5:

Thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-

BGDĐT, theo đó đề kiểm tra sẽ do giáo viên chủ nhiệm soạn, sau đó nộp về cho tổ chuyên môn.

Lớp 1, 2, 3, 4, 5:

Tổ chuyên môn chọn lọc và gửi cho Ban Giám hiệu 2 đến 3 đề. Ban Giám hiệu sẽ chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho khối.

b) Đề kiểm tra giáo viên cần chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh; đảm bảo bám sát theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:

3. Thời gian kiểm tra cuối học kì I

- Tuần 17 (từ 26/12/2022 đến 30/12/2022): kiểm tra môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí, (khối 4, 5); Tiếng Anh (khối 3, 4, 5), Tin học (khối 3, 4, 5) và Công nghệ (khối 3)

- Tuần 18 (từ 02/01/2023 đến 06/01/2023): kiểm tra môn Tiếng Việt, Toán,

+ Thứ tư (04/01/2023): Kiểm tra môn Tiếng Việt.

+ Thứ năm (05/01/2023): Kiểm tra môn Toán.

+ Thời gian học sinh làm bài kiểm tra: Sáng 7 giờ 45 phút, chiều 13 giờ 45 phút.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức ôn tập, phụ đạo cho học sinh

- Tổ, khối xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh và có kế hoạch phụ đạo riêng cho học sinh châm; thông báo lịch kiểm tra, phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện học tập thật tốt cho học sinh. Giáo viên tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, gây áp lực tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho học sinh và gia đình các em.

- Giáo viên tổ chức ôn tập ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà; không soạn đề cương, bài mẫu bắt buộc học sinh làm, không tổ chức học thuộc lòng bài tủ, học vẹt. Giáo viên hướng dẫn cho học sinh cách tự học, ôn tập theo sách giáo khoa hiện đang sử dụng.

2. Việc đánh giá định kì về học tập

a) Đánh giá định kì

Giáo viên căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và chuẩn kiến thức, kĩ năng để đánh giá học sinh với từng môn học, hoạt động giáo dục theo các mức: **Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Chưa hoàn thành** (lớp 4, 5); **Hoàn thành xuất sắc, Hoàn thành tốt, Hoàn thành, Chưa hoàn thành** (lớp 1, 2, 3)

b) Về bài kiểm tra định kì các môn học

*** Việc ra đề bài kiểm tra định kì các môn học**

- Nội dung bài kiểm tra định kì các môn học phải đảm bảo:

+ Giáo viên ra đề phù hợp theo yêu cầu cần đạt các môn học và định hướng phát triển năng lực học sinh, chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo (lưu ý: Không

ra đề rơi vào nội dung giảm tải), đồng thời thực hiện đúng các chỉ đạo, rút kinh nghiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện ra đề.

+ Tường minh, chặt chẽ, khoa học.

+ Có tính phân hóa cho từng đối tượng học sinh, được thiết kế theo 4 mức độ quy định tại Điều 10 của Thông tư 22 (lớp 4, 5) và 3 mức độ theo Điều 7 của thông tư 27 (lớp 1, 2, 3).

- Việc ra đề bài kiểm tra định kì cuối học kì I cho khối lớp giáo viên thực hiện như sau:

+ Giáo viên phụ trách từng lớp gửi đề đề xuất của cá nhân cho tổ trưởng trên cơ sở ma trận đề đã được tổ khối thống nhất.

+ Tổ khối thảo luận các đề do giáo viên phụ trách đề xuất và thống nhất chọn hoặc biên soạn lại 2 đề trình Hiệu trưởng phê duyệt.

+ Hiệu trưởng kiểm tra, điều chỉnh đúng theo quy định rồi chọn đề chính thức và dự bị để ban hành tổ chức kiểm tra.

- Các môn học được đánh giá định kì gồm các môn học theo Điều 10, khoản 2, điểm b của Thông tư 22 (lớp 4, 5) và Điều 7, khoản 1, điểm b Thông tư 27 (lớp 1, 2, 3).

- Chuyên môn thực hiện in sao đề đúng quy định và tuyệt đối bảo mật trong quá trình tổ chức kiểm tra định kì.

- Môn Tiếng Anh: Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra chung cho tất cả các khối (3, 4, 5), lớp 1, 2 không kiểm tra (*(vì là môn học tự chọn, GV có thể cho kiểm tra kĩ năng viết để nắm tình hình; không cho điểm, không đánh giá định kì).*

+ Cuối học kì đối với các môn học: Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học và Công nghệ có bài kiểm tra định kì (riêng môn Ngoại ngữ lớp Một, Hai, học kì I không có bài KT định kì);

+ Đề cần chính xác và khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh, kiểm tra định kì phù hợp đảm bảo theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của từng khối lớp và định hướng phát triển năng lực, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

Khối 4, 5

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kĩ năng đã học (40%).

- Mức 2: Hiểu kiến thức, kĩ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân (30%).

- Mức 3: Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống (20%).

- Mức 4: Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt (10%).

Khối 1, 2, 3

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập (50%);

- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có

nội dung tương tự (30%);

- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống (20%). Không được hạ thấp mức 2 và mức 3.

3. Môn Toán

Giáo viên cần chú ý dạy học sinh theo năng lực, nhưng đánh giá học sinh theo Chuẩn kiến thức kĩ năng, do đó những bài toán ở mức 4 (khối 4, 5) phải thuộc Chuẩn kiến thức kĩ năng.

Giải toán có lời văn: tăng cường các bài toán phát triển năng lực, thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

Lưu ý:Phần trăm (%) các mạch kiến thức có thể điều chỉnh nhiều hơn hoặc thấp hơn 5%.

* Lớp 1: nhìn mô hình điền phép tính

* Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính

* Lớp 3: tối đa 2 lời giải và 2 phép tính

* Lớp 4: tối đa 3 lời giải và 3 phép tính

* Lớp 5: tối đa 4 lời giải và 4 phép tính

- Hình thức

+ Trắc nghiệm: 3 điểm

+ Tự luận: 7 điểm

- Đối với các mạch kiến thức

- **Ra đề kiểm tra theo ma trận**

+ Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; hình thức các câu hỏi; số lượng câu hỏi; số điểm dành cho các câu hỏi.

+ Khung ma trận câu hỏi, mỗi ô trong khung nêu: Hình thức các câu hỏi; số thứ tự của câu hỏi trong đề; số điểm dành cho các câu hỏi.

4. Các môn kiểm tra

4.1. Môn Tiếng Việt

- Thời gian làm bài

+ Đọc hiểu: 30 phút (không có trong SGK)

+ Chính tả: 15 phút (không có trong SGK)

+ Tập làm văn: Lớp 4, 5: 40 phút

+ Viết sáng tạo: lớp 2, 3: 30 phút

Khối 4, 5: Bám sát các nội dung quy định tại điều 10, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT và công văn số 4056/GDĐT-TH ngày 23/11/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016

của Bộ Giáo dục và Đào tạo về các mức độ nhận thức cần đạt trong đề kiểm tra;

- Giáo viên cần chú ý khắc phục những điểm góp ý về đề kiểm tra tại các đợt hợp chuyên môn trước đây: cấu trúc ma trận đề (số điểm từng câu, mức độ nhận thức của câu hỏi, số câu hỏi, tính chính xác của ma trận và đề...), mức độ đảm bảo chuẩn kiến thức kĩ năng, cách ra câu lệnh, nội dung hỏi ở mức độ nhận thức 4, độ "mở" của đề Tập làm văn...

- Khối 4, 5: Việc tính điểm cho bài kiểm tra Tiếng Việt tiếp tục được thực hiện theo quy định tại công văn số 3287/GDĐT-TH ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo và công văn số 616/GDĐT-TH ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện. Điều chỉnh quy định về cách tính điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt như sau:

+ Bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt gồm có hai kĩ năng: kĩ năng Đọc và kĩ năng Viết.

+ Điểm kiểm tra cho từng kĩ năng Đọc và Viết là **tổng điểm** của các nội dung trong từng kĩ năng và **không được làm tròn.** *Ví dụ: điểm nội dung Đọc thầm là 5, nội dung Đọc thành tiếng là 3,5; như vậy điểm của kĩ năng Đọc là 8,5.*

+ Điểm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là trung bình cộng điểm của 2 kĩ năng Đọc, Viết quy về thang điểm 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và đươc làm tròn 0,5 thành 1. Ví dụ: điểm kiểm tra của 2 kĩ năng Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9,5 làm tròn số thành 10).

+ Cách tính điểm cho từng nội dung của mỗi kĩ năng ở từng lớp vẫn thực hiện như quy định trước đây.

4.2. Môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí

Giáo viên bắt buộc phải xây dựng ma trận đề có 4 mức độ, không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra, bao gồm:

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan: 6 điểm, hình thức đa dạng, trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn Đúng hoặc Sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đối.

- Việc xác định mức độ nhận thức cần bám sát vào chuẩn kiến thức, kĩ năng và có thể linh hoạt tăng giảm tỷ lệ giữa các mức nhận thức trong khoảng 5%.

- Riêng môn Lịch sử - Địa lý, nếu đã sử dụng câu hỏi ở mức nhận thức 4 trong phần Lịch sử thì không cần câu hỏi ở mức này trong phần Địa lý và ngược lại.

- Lịch sử và Địa lí: Kiểm tra cho điểm cuối HK1 và cả năm. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

4.3. Môn công nghệ

Giáo viên bắt buộc phải xây dựng ma trận đề có 3 mức độ, không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

Câu hỏi trắc nghiệm khách quan: 5 điểm, hình thức đa dạng, trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn Đúng hoặc Sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống……

Kiểm tra cho điểm cuối HK1 và cả năm. Tự luận chiếm 50%, trắc nghiệm 50% kiến thức của bài kiểm tra.

4.3.1. Xác định hình thức đề kiểm tra

- Đề kiểm tra (viết) có các hình thức sau:

+ Đề kiểm tra tự luận;

+ Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan;

+ Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trên: có cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.

Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lý các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

Có thể soạn đề kiểm tra kết hợp hai hình thức: phần trắc nghiệm khách quan đọc lập với bài kiểm tra phần tự luận.

Khối 4, 5: Thực hiện ma trận theo 4 mức độ (Như Công văn số 4056/GDĐT-TH ngày 23/11/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra.

4.3.2. Thời gian làm kiểm tra: Từ 35 đến 40 phút.

Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn.

Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình; Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng; Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể; Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa; Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh; Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức; Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh; Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra; Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn; Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất; Hạn chế đưa ra phương án "Tất cả các đáp án trên đều đúng" hoặc "không có phương án nào đúng".

4.4. Môn Tin học

Lớp 3: Căn cứ Kế hoạch số 1343/GDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè;

Thời gian làm bài kiểm tra: Bài kiểm tra tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học (35 đến 40 phút), với 50% thời gian cho bài tập lý thuyết và 50% cho bài tập thực hành.

Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%.

Lớp 4, 5

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%

Thời gian làm bài kiểm tra: Bài kiểm tra tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học (35 đến 40 phút)

4.4.1. Đề kiểm tra:

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm phân công giáo viên ra đề kiểm tra; Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn tin học, được xây dựng từ ma trận đề kiểm tra.

Khuyến khích ra đề kiểm tra lý thuyết dưới dạng trắc nghiệm, có thể sử dụng các phần mềm tạo trắc nghiệm để chuẩn bị sẵn cho học sinh làm bài trắc nghiệm ngay trên máy tính;

Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có từ hai bài tập trở lên từ cơ bản (Thực hành theo mẫu cho sẵn) đến nâng cao (Thực hành sáng tạo).

Đánh giá: Kết quả kiểm tra là kết quả tổng cộng từ hai phần lý thuyết và thực hành với tỉ lệ 50% lý thuyết và 50% thực hành.

4.5. Môn Tiếng Anh

- Tuần 17 (từ 26/12/2022 đến 30/12/2022): Tiếng Anh (khối 3, 4, 5).

4.5.1. Nội dung kiểm tra

Giáo viên xây dựng ma trận đề theo 4 mức độ (khối 4, 5), 3 mức độ (khối 3). Lựa chọn nội dung kiến thức cần kiểm tra theo tình hình thực tế đã giảng dạy cho HS. Tập trung vào kỹ năng nghe và nói. Nội dung đề phải bám sát theo đúng các nội dung học sinh đã được học.

4.5.2. Thời gian làm bài kiểm tra

Đề kiểm tra cần đảm bảo đủ 4 kĩ năng. Tổng thời gian cho cả ba kỹ năng "Nghe, Đọc, Viết" không quá 35 phút và không quá 30 câu hỏi cho cả 3 kỹ năng này (Nghĩa là đề kiểm tra trên giấy bao gồm 3 kỹ năng "Nghe, Đọc, Viết". Riêng kỹ năng "Nói" kiểm tra riêng hoặc sử dụng kết quả đánh giá thường xuyên trong lớp. Giáo viên cần lưu ý lớp 3 tập trung vào "Nghe, Nói" nên bài kiểm tra trên giấy lần lượt là 25 - 30 - 35 phút. (Nghĩa là Lớp 3,4,5: không quá 35 phút).

Điểm tối đa cho mỗi kỹ năng "Nghe, Đọc, Viết, Nói" là 10. Kết quả kiểm tra của từng kỹ năng được làm tròn theo nguyên tắc 0,5 thành lđ. Điểm môn học là trung bình cộng của cả 4 kĩ năng cũng sẽ được làm tròn theo nguyên tắc trên.

Tỷ lệ các kĩ năng

+ Lớp 3: Trọng tâm bài kiểm tra thiên về kĩ năng "Nghe, Nói". Nghĩa là chú ý thời gian thiên kĩ năng "Nghe" nhiều hơn, vì kỹ năng "Nói" đã kiểm tra riêng.

+ Lớp 4: Tăng Đọc, Viết. Nghĩa là tăng thêm thời gian cho kỹ năng "Đọc và Viết"

+ Lớp 5: Mỗi cả 4 kĩ năng sẽ đều nhau (tỷ lệ 25%). Nghĩa là thời gian cho các kỹ năng như nhau.

Lưu ý: Trọng tâm thiên về kĩ năng nào thì chú ý tăng độ khó và thời lượng cho kĩ năng đó.

4.5.3. Đề kiểm tra

Lớp 3: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:

+ 15/15 khiên của mức độ STARTERS;

+ 3 sao/TOEFL Primary Step 1.

Lớp 4: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:

+ 10/15 khiên của mức độ MOVERS;

+ 4 sao/TOEFL Primary Step 1 ;

+ 2 huy hiệu/TOEFL Primary Step 2.

Lớp 5: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối học kì I đạt 1 trong các chuẩn sau:

+ 10/15 khiên của mức độ FLYERS;

+ 3 huy hiệu/TOEFL Primary Step 2.

5. Việc tổ chức thực hiện kiểm tra định kì các môn học

Hiệu trưởng thành lập Hội đồng kiểm tra, tổ chức thực hiện và báo cáo về Phòng GD&ĐT; chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm trực tiếp tham gia coi kiểm tra.

6. Tổ chức chấm kiểm tra

Khối 4, 5: Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và thông tư 22/2016/TT-BGDĐT; Lớp 1, 2, 3 thực hiện đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp trên cùng tham gia chấm bài kiểm tra (riêng với khối lớp 5 là giáo viên lớp khác khối). Bài kiểm tra định kì được giáo viên sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế của học sinh trong quá trình làm bài, kèm theo lời nhận xét tường minh để giúp giáo viên và phụ huynh có cơ sở tập trung bồi dưỡng và rèn luyện cho học sinh, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân. Hiệu trưởng nhắc nhở giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, tổ chức cho học sinh làm bài kiểm nhẹ nhàng, không gây căng thẳng.

Giáo viên không được tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh. Phần hướng dẫn chấm phải rõ ràng và có đáp án chính xác.

Sau khi có kết quả bài kiểm tra đánh giá định kì các môn học, nhà trường phân công giáo viên tiếp nhận đơn của cha mẹ học sinh (nếu có) và hẹn thời gian trả lời chính xác. Các nội dung trả lời phải rõ ràng, cụ thể, đúng nội dung.

7. Đối với học sinh khuyết tật: được đánh giá theo điều 12 của TT 22 và điều 8 TT 27

Học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hoà nhập được đánh giá như đối với học sinh không khuyết tật có điều chỉnh yêu cầu hoặc theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.

8. Thực hiện hồ sơ đánh giá

Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng từ 04 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết.

Hiệu trưởng đề nghị các Tổ trưởng tổ, khối triển khai kế hoạch này đến từng giáo viên trong tổ, khối để thực hiện việc kiểm tra cuối học kì I nhẹ nhàng, không căng thẳng nhưng thật sự có chất lượng, đạt yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I năm học 2022-2023 của Trường Tiểu học Bùi Văn Ba, đề nghị cán bộ, giáo viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- PGDĐT Huyện (để báo cáo);
- PHT, TTCM, TTBM, TTTA (để thực hiện);
- Lưu: VT, CM.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÙI VĂN BA

Trần Thị Hậu

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÙI VĂN BA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nhà Bè, ngày 02 tháng 12 năm 2022

LỊCH KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HKI - NĂM HỌC 2022 - 2023

(Thực hiện theo công văn số 1715/GDĐT-TH ngày 01/12/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè)

Khối / Môn	KHỐI 1	KHỐI 2	KHỐI 3	KHỐI 4	KHỐI 5
TIẾNG VIỆT	**04/01/2023** ***(Sáng)*** (Thứ tư) - Viết (**30'**) - Đọc (Thời gian còn lại của buổi KTĐK) - Từ **7h45'**	**04/01/2023** ***(Chiều)*** (Thứ tư) - Chính tả (**15'**) - Tập làm văn (**30'**) - Đọc thầm (**30'**) - Từ **13h45'**	**04/01/2023** ***(Sáng)*** (Thứ tư) - Chính tả (**15'**) - Tập làm văn (**30'**) - Đọc thầm (**30'**) - Từ **7h45'**	**04/01/2023** ***(Chiều)*** (Thứ tư) - Chính tả (**15'**) - Tập làm văn (**40'**) - Đọc thầm (**30'**) - Từ **13h45'**	**04/01/2023** ***(Sáng)*** (Thứ tư) - Chính tả (**15'**) - Tập làm văn (**40'**) - Đọc thầm (**30'**) - Từ **7h45'**
TOÁN	**05/01/2023** ***(Sáng)*** (Thứ **năm**) - Thời gian làm bài **35'** - Từ **7h45'**	**05/01/2023** ***(Chiều)*** (Thứ **năm**) - Thời gian làm bài **40'** - Từ **13h45'- 14h25'** - Đọc thành tiếng từ:14h30'	**05/01/2023** ***(Sáng)*** (Thứ **năm**) - Thời gian làm bài **40'** - Từ **7h45'- 8h25'** - Đọc thành tiếng từ: 8h30'	**05/01/2023** ***(Chiều)*** (Thứ **năm**) - Thời gian làm bài **40'** - Từ **13h45'- 14h25'** - Đọc thành tiếng từ: 14h30'	**05/01/2023** ***(Sáng)*** (Thứ **năm**) - Thời gian làm bài **40'** - Từ **7h45'- 8h25'** - Đọc thành tiếng từ: 8h30'
KHOA HỌC				**26/12/2022 (Sáng)** (Thứ hai) - Thời gian làm bài **40'** Từ **8h20'- 9h00'**	**26/12/2022 (Sáng)** (Thứ hai) - Thời gian làm bài **40'** Từ **8h20'- 9h00'**
LỊCH SỬ ĐỊA LÍ				**26/12/2022 (Sáng)** (Thứ hai) - Thời gian làm bài **40'** Từ **9h40'-10h20'**	**26/12/2022 (Sáng)** (Thứ hai) - Thời gian làm bài **40'** Từ **9h40'-10h20'**

Khối / Môn	KHỐI 1	KHỐI 2	KHỐI 3	KHỐI 4	KHỐI 5
TIN HỌC			**26/12/2022 (Sáng)** (Thứ hai) - Thời gian làm bài: 40' - Lớp 3.1 (8g20'-9g00') - Lớp 3.2 (9g50'-10g30') **26/12/2022 (Chiều)** (Thứ hai) - Lớp 3.3 (13g45'-14g25') - Lớp 3.4 (14g30'-15g10') - Lớp 3.5 (14g40'-16g20')	**27/12/2022 (Sáng)** (Thứ **ba**) - Thời gian làm bài: **40'** - Lớp 4.1 (7g45'-8g25') - Lớp 4.2 (8g30'-9g10') - Lớp 4.3 (09g50'-10g30') **27/12/2022 (Chiều)** (Thứ ba) - Lớp 4.4 (13g45'-14g25') - Lớp 4.5 (14g30'-15g10')	**28/12/2022 (Sáng)** (Thứ **tư**) - Thời gian làm bài: **40'** - Lớp 5.1 (7g45'-8g25') - Lớp 5.2 (8g30'-9g10') - Lớp 5.3 (9g50'-10g30') **28/12/2022 (Chiều)** (Thứ tư) - Lớp 5.4 (13g45'-14g25') - Lớp 5.5 (14g30'-15g10')
CÔNG NGHỆ			**27/12/2022 (Sáng)** (Thứ **ba**) - Thời gian làm bài: **40'** - Từ **7h45'- 8h25'**		
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG			**29/12/2022 (Sáng)** (Thứ **năm**) - Thời gian làm bài: **40'** - Từ **7h45'- 8h25'**	**29/12/2022 (Sáng)** (Thứ năm) - Thời gian làm bài: **40'** - Từ **9h10'- 9h50'**	**29/12/2022 (Chiều)** (Thứ năm) - Thời gian làm bài: **40'** - Từ **13h45'- 14h25'**
TIẾNG ANH ĐỀ ÁN				**30/12/2022 (Sáng)** (Thứ sáu) - Thời gian làm bài: **40'** - Từ **7h45'- 8h25'**	**30/12/2022 (Chiều)** (Thứ **sáu**) - Thời gian làm bài: **40'** - Từ **13h45'- 14h25'**

Ghi chú :

* GV có mặt tại trường:

- Sáng: lúc 7h15', 7h30 phút mở đề
- Chiều: lúc 13h15, 13h30 phút mở đề

* Thời Gian kiểm tra :

- Khối 1,3,5 kiểm tra Tiếng Việt & Toán vào buổi sáng bắt đầu từ 7 giờ 45 phút
- Khối 2,4 kiểm tra Tiếng Việt & Toán vào buổi chiều bắt đầu từ 13 giờ 45 phút
- Khối 4,5 TA Tự chọn vào buổi Chiều bắt đầu từ 13 giờ 45 phút
- Khối 4,5 TA Tăng cường vào buổi sáng bắt đầu từ 7 giờ 45phút
- Khối 3 TA Tăng cường vào buổi Sáng bắt đầu từ 7 giờ 45 phút
- Khối 3 Tin học kiểm tra vào buổi sáng lúc 7 giờ45 phút, chiều lúc13 giờ 45 phút
- Khối 4,5 Tin học kiểm tra vào buổi sáng lúc 7 giờ45 phút, chiều lúc13 giờ 45 phút

* Nội dung đề kiểm tra (môn Tiếng Việt và Toán):

- Cuối HKI: Khối 1,2,3 (theo phân phối chương trình từ tuần 1 đến hết tuần 17)
  Khối 4,5 (theo phân phối chương trình từ tuần 11 đến hết tuần 17)
- Riêng khối 4,5 môn Khoa học; Lịch sử – Địa lý, Công nghệ khối 3 (từ tuần 1 đến hết tuần 17)

* Nội dung đề kiểm tra (môn Tiếng Anh): Từ tuần 1 đến hết tuần 17

* Nội dung đề kiểm tra (môn Tin Học, CN): Từ tuần 1 đến hết tuần 17

HIỆU TRƯỞNG
KIÊM CHỦ TỊCH HỘI COI KTĐK CUỐI HKI

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÙI VĂN BA

Trần Thị Hậu